

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HSST

Ngày: 27-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2025/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/HSST-QĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn S, T gọi khác: Không; sinh năm 1987, tại tỉnh Bắc Cạn; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông Hoàng Văn T1 (đã chết) và bà Lý Thị S1, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ là Vi Thị B và có 01 con sinh năm 2009; Tiền án: 02 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HS-ST, ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông tuyên phạt Hoàng Văn S 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b, điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Ngày 12/11/2020, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2021/HS-ST, ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông tuyên phạt Hoàng Văn S 02 (H) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngày 07/7/2023, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST, ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tuyên phạt Hoàng Văn S 10 (Mười) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy

định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Ngày 11/10/2017, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xoá án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam khu vực Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hoàng Văn H1, tên gọi khác: Không; sinh năm 1992, tại tỉnh Bắc Cạn; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông Hoàng Văn T1 (đã chết) và bà Lý Thị S1, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ là Dương Thị C (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010 và con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự, tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 06/2024/QĐ-TA, ngày 06/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đối với Hoàng Văn H1, thời hạn cai nghiện 24 (Hai mươi bốn) tháng, hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 01 thuộc thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông từ ngày 19/12/2024; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2019/HS-ST, ngày 18/7/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt Hoàng Văn H1 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 30/4/2020, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xoá án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/6/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam khu vực Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Văn V, tên gọi khác: Vĩnh T2; sinh năm 1982, tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12 (không biết chữ). Con ông Lê Văn T3 (đã chết) và bà Phạm Thị T4; Bị cáo có vợ là Đỗ Thị O (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2003; Tiền án: 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2021/HSST, ngày 30/11/2021 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt Lê Văn V 02 (Hai) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 05/5/2023, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xoá án tích); Tiền sự: 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35/QĐ-XPHC, ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, xử phạt Lê Văn V 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi Trộm cắp tài sản (Chưa chấp hành); Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/HSST, ngày 21/6/2001 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút tuyên phạt L (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 11/02/2002, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xoá án tích); tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2006/HSST, ngày 23/10/2006 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt Lê Văn V

12 (Mười hai) tháng tù về tội Huỷ hoại tài sản và 12 (Mười hai) tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự. Ngày 28/6/2008, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xoá án tích); tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HSST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jú, tỉnh Đắk Nông xử phạt Lê Văn V 02 (Hai) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam khu vực C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Phan Minh H2, sinh năm 1993, địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

2. Ông Hoàng Dầu S3, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn C1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/9/2024 đến ngày 23/11/2024, các bị cáo Hoàng Văn S, Lê Văn V và Hoàng Văn H1 đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ 01: Vào khoảng 14 giờ ngày 17/9/2024, Lê Văn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 55P5 - 5610 chở Hoàng Văn S đến khu vực thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà anh Nguyễn Văn C2 thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Sufat không biển số (xe đã qua độ chế, không có ổ khoá) của anh Phan Minh H2 đang dựng trước sân nhà không có người trông coi nên V dừng xe đứng ở ngoài đường cạnh giới còn S đi bộ vào trong sân nhà anh C2 đến vị trí xe mô tô rồi khởi động xe và điều khiển xe mô tô cùng với V đến tiệm thu mua phế liệu bán cho ông Bùi Văn C1 được 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). V và S đã tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ 02: Vào khoảng 16 giờ ngày 23/11/2024, Hoàng Văn H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 087.14 chở Hoàng Văn S đến khu vực thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà anh Hoàng Dầu S3 phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 48E1 - 125.92 đang dựng ở lề đường không có người trông coi nên H1 dừng xe để S đi bộ đến dùng thanh kim loại (theo lời khai hình chữ L, kích thước khoảng 07cm x 04cm) để vặn ổ khoá, nổ máy rồi S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1

- 125.92 về thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, còn H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 087.14 đi theo S đến cầu C thì cả hai dừng lại. S mở cốp xe mô tô biển số 48E1 - 125.92 lấy 01 kim điện để tháo biển kiểm soát 48E1 - 125.92 vứt bỏ bên lề đường. Sau khi đưa xe về nhà tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, S dùng đá mài (theo lời khai có kích thước khoảng 07cm x 02cm x 4cm) và dũa kim loại (theo lời khai dài khoảng 15cm) để mài số khung, số máy của xe mô tô biển kiểm soát 48E1 - 125.92 và lấy biển kiểm soát 48F2 - 2952 nhặt được gắn vào xe mô tô rồi sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 18/12/2024, Hoàng Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, gắn biển kiểm soát 48F2 - 2952 vi phạm luật giao thông đường bộ nên bị Công an huyện K, tỉnh Đắk Nông tạm giữ xe.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:

Xe mô tô nhãn hiệu Sufat, không biển kiểm soát; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo, gắn biển kiểm soát 55P5 - 5610, số khung VYA-N5VD13YA014853, không xác định được số máy; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, không xác định được số khung, số máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014821 do Công an huyện Đ cấp ngày 27/5/2024 chủ xe Hoàng Dầu S3; 01 biển kiểm soát 48F2 - 2952; xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 087.14, số máy JA31EO367630, số khung LJHJA3116EY204210; 01 đĩa DVD lưu dữ liệu Camera quan sát tại hiện trường vụ án do ông Nguyễn Văn C2 cung cấp.

Đối với biển kiểm soát 48E1 - 125.92, 01 thanh kim loại (theo lời khai hình chữ L, có kích thước khoảng 07cm x 04cm), 01 cục Đ (theo lời khai có kích thước khoảng 07cm x 02cm x 04cm) và 01 dũa kim loại (theo lời khai dài khoảng 15cm), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã áp dụng các biện pháp truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 78/KL-HĐĐGTS, ngày 09/10/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Sufat, không có biển kiểm soát, số máy không có, số khung VPJWCH024PJ160197, đã qua sử dụng, có giá trị thiệt hại là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐGTS, ngày 24/12/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 48E1 - 125.92, có giá trị thiệt hại là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Tại bản kết luận giám định số 532/KL-KTHS, ngày 25/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận đối với xe mô tô nhãn hiệu SUFAT; màu sơn không rõ; không gắn biển kiểm soát:

- Số khung, số máy của xe không bị đục, không bị tẩy xóa và hàn, cắt.

- Số khung nguyên thủy là: VPJWCH024PJ160197.

- Số máy nguyên thủy: Không có.

Tại bản kết luận giám định số 570/KL-KTHS, ngày 18/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát; 01 (một) biển kiểm soát 55P5 - 5610:

- Biển kiểm soát 55P5 - 5610 không phải là do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Nền kim loại vị trí đóng số khung của xe đã bị cắt, hàn ghép.

- Dây số khung hiện tại “VYA N5VD1 3YA014853” không phải là số khung nguyên thủy của xe.

- Số máy nguyên thủy là: 22S2 047088.

Tại bản kết luận giám định số 606/KL-KTHS, ngày 27/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ đen, gắn biển kiểm soát 48F2 - 2952:

- Số khung, số máy của xe đã bị đục phá, mài mòn.

- Số khung nguyên thủy: RLCS5C6K0 DY124-55 (chữ số ở vị trí “-” của dãy số đã bị mài mòn không xác định được).

- Số máy nguyên thủy là: 5C6K - 12463.

- Biển kiểm soát: 48F2 - 2952 là do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.

Tại Cáo trạng số 35/CTr-VKS (ĐM) ngày 10/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil truy tố các bị cáo Hoàng Văn S về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo Hoàng Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Văn V về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (B1) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 01

(Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù tại Bản án số 30/2025/HSST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/12/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, không xác định được số khung, số máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014821 do Công an huyện Đ cấp ngày 27/5/2024 và 01 biển kiểm soát 48F2 - 2952 cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu dữ liệu Camera quan sát tại hiện trường vụ án do ông Nguyễn Văn C2 cung cấp làm tài liệu chứng cứ.

Giao xe mô tô nhãn hiệu Sufat, không biển kiểm soát và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo gắn biển số 55P5-5610, số khung VYA-N5VD13YA014853, không xác định được số máy cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 087.14, số máy JA31EO367630, số khung LJHJA3116EY204210 qua điều tra xác định là tang vật trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên đề nghị chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ghi ngày 15/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với anh Thào A L1 (sinh năm 1990, địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk) là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với biển kiểm soát 48E1 - 125.92, 01 thanh kim loại (theo lời khai hình chữ L, có kích thước khoảng 07cm x 04cm), 01 cục Đ (theo lời khai có kích thước khoảng 07cm x 02cm x 04cm) và 01 dũa kim loại (theo lời khai dài khoảng 15cm), do không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Truy thu số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V đã sử dụng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Hoàng Dầu S3 yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn S và Hoàng Văn H1 liên đới bồi thường cho ông S3 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), các bị cáo S và H1 đồng ý. Do đó, căn cứ vào Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V đồng ý bồi thường cho bị hại anh Phan Minh H2 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chấp nhận các bị cáo Hoàng Văn S và Hoàng Văn H1 đồng ý bồi thường cho bị hại ông Hoàng Dầu S3 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C1 không yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V bồi thường số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) nên không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 và Lê Văn V thừa nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi đúng với hành vi cáo trạng đã truy tố và thống nhất với tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã đề nghị, không có ý kiến phản đối, kêu oan. Các bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 49-50, BL 231), Bản ảnh hiện trường (BL 52-56); Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử (BL 57-58, BL 72); Kết luận định giá tài sản (BL 95-98, BL 242-245) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hoàn toàn có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/9/2024 đến ngày 23/11/2024, các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 và Lê Văn V đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

Vụ thứ 01: Vào khoảng 14 giờ ngày 17/9/2024, tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Hoàng Văn S (đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích) và Lê Văn V (đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản) có hành vi lén lút trộm cắp của anh Phan Minh H2 xe mô tô nhãn hiệu Sufat, không biển kiểm soát, có giá trị 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 02: Vào khoảng 16 giờ ngày 23/11/2024, tại thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Hoàng Văn S và Hoàng Văn H1 lén lút trộm cắp của ông Hoàng Dầu S3 01

(một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 48E1 - 125.92, có giá trị 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Căn cứ vào tính chất hành vi, mục đích phạm tội và tài sản đã trộm cắp được, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điểm a khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.”

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 và Lê Văn V đã gây nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại anh Phan Minh H2 và ông Hoàng Dầu S3. Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và năng lực hành vi, nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản của các bị hại nên các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản, công sức của người khác. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để răn đe, giáo dục các bị cáo sống có ích, có ý thức tôn trọng pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 và Lê Văn V phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của từng bị cáo khác nhau nên cần phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo mới thể hiện tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn S trực tiếp trộm cắp tài sản 02 (hai) lần vào các ngày 17/9/2024 và 23/11/2024 với tổng tài sản đã trộm cắp được là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) và là người khởi xướng nên phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Các bị cáo Hoàng Văn H1 và Lê Văn V mặc dù thực hiện trộm cắp tài sản 01 (một) lần nhưng đều tham gia tích cực vào việc phạm tội; bị cáo Hoàng Văn H1 trộm cắp tài sản trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), bị cáo Lê Văn V trộm cắp tài sản trị giá 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

[5] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo Hoàng Văn H1 còn khai báo quanh co, sau khi được Hội đồng xét xử phân tích và làm rõ tình tiết nội dung vụ án thì bị cáo H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn S phạm tội nhiều lần, các lần phạm tội đều đủ cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn V chưa được xóa án tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2021/HSST, ngày 30/11/2021 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, cụ thể

Bị cáo Hoàng Văn S bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 10 (M) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST, ngày 08/5/2017 (đã được xoá án tích).

Bị cáo Hoàng Văn H1 bị Toà án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma

tuý, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2019/HS-ST, ngày 18/7/2019 (đã được xoá án tích) và hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 01 theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 06/2024/QĐ-TA, ngày 06/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo Lê Văn V bị Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 27/HSST, ngày 21/6/2001 (đã được xoá án tích); tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2006/HSST, ngày 23/10/2006 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội Huỷ hoại tài sản và 12 (Mười hai) tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự (đã được xoá án tích) ; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HSST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 (H) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35/QĐ-XPHC, ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi Trộm cắp tài sản (Chưa chấp hành).

[8] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và sự khoan hồng của Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Hoàng Dầu S3 yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn S và Hoàng Văn H1 liên đới bồi thường cho ông S3 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), các bị cáo S và H1 đồng ý. Do đó, căn cứ vào Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V đồng ý liên đới bồi thường theo phần cho bị hại anh Phan Minh H2 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và chấp nhận các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 đồng ý liên đới bồi thường theo phần cho bị hại ông Hoàng Dầu S3 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C1 không yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V bồi thường số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các biên bản xác minh có lưu trong hồ sơ vụ án thì các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 và Lê Văn V không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Đối với hành vi sử dụng biển số 55P5 - 5610 (không phải là do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp), quá trình điều tra xác định, Lê Văn V mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, gắn biển số 55P5- 5610 của ông Lại Văn H3 (sinh năm 1966, trú tại thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông). Ông H3 mua lại từ đối tượng (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Quá trình sử dụng, ông H3 và Lê Văn V không biết biển số 55P5 - 5610 không phải là do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Bùi Văn C1, do không biết xe mô tô nhãn hiệu Sufat, không biển kiểm soát là do các bị cáo S và V phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[12] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử:

Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 966/QĐ-VPCQCSĐT ngày 13/3/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, không xác định được số khung, số máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014821 do Công an huyện Đ cấp ngày 27/5/2024 mang tên Hoàng Dầu S3 cho ông Hoàng Dầu S3 và 01 biển kiểm soát 48F2 - 2952 cho ông Nguyễn Văn T5 là các chủ sở hữu hợp pháp.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01(một) đĩa DVD lưu dữ liệu Camera quan sát tại hiện trường vụ án do ông Nguyễn Văn C2 cung cấp làm tài liệu chứng cứ.

Giao xe mô tô nhãn hiệu Sufat, không biển kiểm soát và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo gắn biển số 55P5-5610, số khung VYA-N5VD13YA014853, không xác định được số máy cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 087.14, số máy JA31EO367630, số khung LJHJA3116EY204210 qua điều tra xác định là tang vật trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên cần chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ghi ngày 15/3/2025, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với anh Thào A L1 (sinh năm 1990, địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk) là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với biển kiểm soát 48E1 - 125.92, 01 thanh kim loại (theo lời khai hình chữ L, có kích thước khoảng 07cm x 04cm), 01 cục Đ (theo lời khai có kích thước

khoảng 07cm x 02cm x 04cm) và 01 dĩa kim loại (theo lời khai dài khoảng 15cm), do không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) bán xe trộm cấp được các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V đã sử dụng hết nên cần truy thu để sung vào công quỹ Nhà nước.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn H1 là phù hợp; đối với bị cáo Hoàng Văn S và bị cáo Lê Văn V có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 và Lê Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/12/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/6/2025.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn V 09 (Chín) tháng tù; tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HSST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử:

Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 966/QĐ-VPCQCSĐT ngày 13/3/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, không xác định được số khung, số máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014821 do Công an huyện Đ cấp ngày 27/5/2024 mang tên Hoàng Dầu S3 cho ông Hoàng Dầu S3 và 01 biển kiểm soát 48F2 - 2952 cho ông Nguyễn Văn T5 là các chủ sở hữu hợp pháp.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01(một) đĩa DVD lưu dữ liệu Camera quan sát tại hiện trường vụ án do ông Nguyễn Văn C2 cung cấp làm tài liệu chứng cứ.

Giao xe mô tô nhãn hiệu Sufat, không biển kiểm soát và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo gắn biển số 55P5-5610, số khung VYA-N5VD13YA014853, không xác định được số máy cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ghi ngày 15/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với anh Thào A L1 (sinh năm 1990, địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk) là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 087.14, số máy JA31EO367630, số khung LJHJA3116EY204210.

Đối với biển kiểm soát 48E1 - 125.92, 01 thanh kim loại (theo lời khai hình chữ L, có kích thước khoảng 07cm x 04cm), 01 cục Đ (theo lời khai có kích thước khoảng 07cm x 02cm x 04cm) và 01 dũa kim loại (theo lời khai dài khoảng 15cm), do không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) mà các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V đồng ý liên đới bồi thường theo phần cho bị hại anh Phan Minh H2 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và chấp nhận các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn H1 đồng ý liên đới bồi thường theo phần cho bị hại ông Hoàng Dầu S3 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C1 không yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn S và Lê Văn V bồi thường số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Văn S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; Buộc bị cáo Hoàng Văn H1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; Buộc bị cáo Lê Văn V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Đắk Nông;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan THAHS-CA tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ngô Thị Vân